

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

(Ban hành kèm theo Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán)

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

Tên Công ty: Công ty cổ phần kinh doanh than Miền Bắc-Vinacomin
Năm báo cáo: 2024

I. Thông tin chung:

1. Thông tin khái quát:

- Tên giao dịch: Công ty cổ phần kinh doanh than Miền Bắc- Vinacomin
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 0100100689 đăng ký thay đổi lần thứ 12 ngày 30/8/2019.
- Vốn điều lệ: 150.000.000.000 đồng
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: 150.000.000.000 đồng
- Địa chỉ: Số 5, phố Phan Đình Giót, phường Phương Liệt, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội.
- Số điện thoại: 04 38642793
- Số fax: 04 38642792
- Website: thanmienbac.vn
- Mã cổ phiếu: TMB
- Quá trình hình thành và phát triển:

Tiền thân của Công ty cổ phần kinh doanh than Miền Bắc-Vinacomin là : Tổng công ty quản lý và phân phối than được thành lập theo quyết định số 1878/QĐ-TCCB ngày 19/ 12/ 1974 của Bộ Điện và than, làm nhiệm vụ quản lý Nhà nước về mặt hàng than và phân phối tiêu thụ than theo chỉ tiêu kế hoạch Nhà nước cho các nhu cầu của nền kinh tế quốc dân.

Đến năm 1988, mặt hàng than không còn thuộc diện vật tư do Nhà nước phân phối mà chuyển sang phương thức kinh doanh theo cơ chế thị trường theo định hướng XHCN vì vậy Tổng công ty quản lý và phân phối than được đổi thành Công ty Kinh doanh và Chế biến than Việt nam.

Ngày 04/3/1995 Bộ Năng Lượng đã ra quyết định số 140/NL-TCCB-LĐ đổi tên Công ty kinh doanh và chế biến than Việt nam thuộc Bộ Năng lượng thành Công ty Chế biến và Kinh doanh than Miền Bắc trực thuộc Tổng công ty than Việt Nam kể từ ngày 01/4/1995.

Đến ngày 17/9/2003 Chính phủ đã có quyết định số 194/2003/QĐ-TTg chuyển

Công ty Chế biến và Kinh doanh than Miền Bắc thành Công ty TNHH một thành viên Chế biến và Kinh doanh than Miền Bắc thuộc Tổng công ty than Việt Nam nay là Tập đoàn công nghiệp than - Khoáng sản Việt nam.

Ngày 28/12/2005 Bộ Công nghiệp ra Quyết định số 4234/QĐ-BCN về việc cổ phần hoá Công ty TNHH một thành viên Chế biến và kinh doanh than Miền Bắc thành Công ty Cổ phần kinh doanh than Miền Bắc-Vinacomin.

Công ty cổ phần kinh doanh than Miền Bắc-Vinacomin chính thức đi vào hoạt động theo mô hình Công ty cổ phần kể từ ngày 02/1/2007.

Tên gọi, địa chỉ của Công ty:

Tên gọi: Công ty cổ phần kinh doanh than Miền Bắc-Vinacomin

Tên giao dịch quốc tế: : Northern Coal Trading Joint stock Company

Tên giao dịch quốc tế viết tắt: VNCT

Địa chỉ: Số 5 , Phố Phan Đình Giót - Quận Thanh Xuân - Thành phố Hà Nội

Điện thoại: 04 8642793

- Fax: 04 8642792

- Các sự kiện khác:

Ngày 29/12/2016 Công ty chính thức niêm yết trên sàn chứng khoán Hà Nội với mã cổ phiếu TMB theo quyết định số 897/QĐ-SGDHN ngày 29/12/2016 của Tổng Giám đốc Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội.

2. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh:

- Ngành nghề kinh doanh:

Kinh doanh, chế biến và xuất khẩu than các loại.

- Địa bàn kinh doanh:

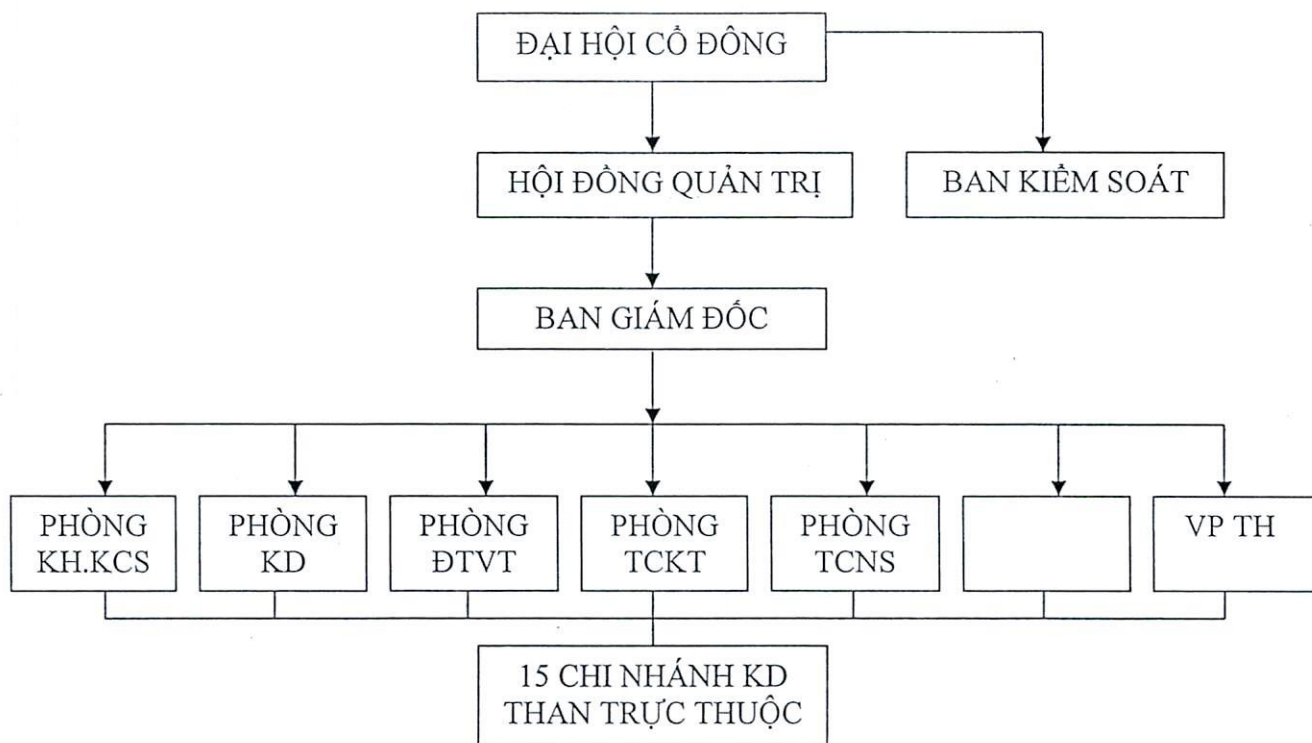
Công ty cổ phần kinh doanh than Miền Bắc-Vinacomin là Công ty con của Tập đoàn Công nghiệp than khoáng sản Việt Nam(Tập đoàn TKV), là một mắt xích nằm trong dây chuyền sản xuất, chế biến và tiêu thụ than của Tập đoàn TKV.

Hoạt động chủ yếu của Công ty là bán than tại địa bàn các tỉnh phía Bắc từ Hà Tĩnh trở ra.

3. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý

- Mô hình quản trị:

Đại hội cổ đông là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty cổ phần kinh doanh than Miền Bắc-Vinacomin. Quyền hạn và nhiệm vụ của Đại hội cổ đông được quy định cụ thể trong Điều lệ của Công ty.



- Cơ cấu bộ máy quản lý:

* Danh sách HĐQT hiện hành:

Phạm Tuấn Ngọc – Chủ tịch HĐQT

Ngô Quang Trung – Ủy viên, kiêm Tổng Giám đốc.

Nguyễn Minh Hải – Ủy viên

Phạm Ngọc Bảo - Ủy viên

Đinh Công Nga - Ủy viên

(i) Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 ngày 26/4/2024

* Danh sách Ban kiểm soát hiện hành:

Đặng Thị Hải Hà– Trưởng ban

Cao Thị Nhung – uỷ viên

Bùi Thị Phương Thảo– uỷ viên

* Danh sách Ban Giám đốc hiện hành:

Ngô Quang Trung– Tổng Giám đốc

Nguyễn Minh Hải – Phó Tổng Giám đốc

Nguyễn Thành Nam – Phó Tổng giám đốc

Hoàng Minh Long – Phó Tổng giám đốc

* Các phòng tham mưu:

Phòng Tổ chức nhân sự:

Phòng Đầu tư và vật tư:

Phòng Kế hoạch KCS:

Phòng Kinh doanh

Phòng Tài chính kế toán:

Văn phòng Tổng hợp:

* Các chi nhánh kinh doanh than hạch toán phụ thuộc tại các tỉnh gồm 15 đơn vị:

- Chi nhánh Công ty cổ phần kinh doanh than Miền Bắc-Vinacomin tại Quảng Ninh:

Địa chỉ: 11 Lê Thánh Tông, Thành phố Hạ Long, Tỉnh Quảng ninh

- Công ty kinh doanh than Hải Phòng

Địa chỉ: 39 đường Trần Phú, Thành phố Hải phòng.

- Công ty doanh than Hà Nội

Địa chỉ: Số 5 Phan Đình Giót, Thanh xuân, Hà nội

- Công ty doanh than Hà Bắc

Địa chỉ: Khu I Thị cầu, Thị xã Bắc Ninh, tỉnh Bắc ninh

- Công ty kinh doanh than Bắc Thái

Địa chỉ: Phường Tân Long, Thành phố Thái nguyên

- Công ty kinh doanh than Vĩnh Phú

Địa chỉ: Phường Thanh Miếu, Thành phố Việt trì, tỉnh Phú thọ

- Công ty kinh doanh than Hà Nam Ninh

Địa chỉ: Phường Văn Miếu, Thành phố Nam Định

- Công ty kinh doanh than Thanh Hoá

Địa chỉ: Phường Ngọc trạo, Thành phố Thanh hoá

- Công ty kinh doanh than Nghệ tĩnh

Địa chỉ: 124 đường Trần Hưng đạo, Thành phố Vinh

- Xí nghiệp kinh doanh than Cầu đuống.

Địa chỉ: Xã Yên Viên, Huyện Gia Lâm, thành phố Hà nội

- Công ty kinh doanh than Ninh Bình

Địa chỉ: 70 Phố Ngọc Xuân, Phường Thanh Bình, Thành phố Ninh Bình.

- Phân xưởng tuyển và chế biến than Kinh Môn

Địa chỉ: Thôn Ngư Uyên, Long Xuyên, Kinh Môn, Hải Dương.

- Phân xưởng chế biến và kinh doanh than Tiền Hải

Địa chỉ: Cánh đồng Nhị Đoạn, Xã Thái Thợ, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình.

- Trạm Chế biến và kinh doanh than Kim Thành

Địa chỉ: Khu Phụ Sơn, Phường An Lưu, Thị xã Kinh Môn, Tỉnh Hải Dương

- Trạm Chế biến và kinh doanh than Nghi Thiết

Địa chỉ: Cảng Hòn La, xã Quảng Đông, huyện Quảng Trạch, tỉnh Quảng Bình

- Các công ty con, công ty liên kết:

Công ty không có các công ty con và công ty liên kết.

4. Định hướng phát triển:

- Các mục tiêu chủ yếu của Công ty:

Tối đa lợi nhuận cho các cổ đông, bảo toàn và phát triển vốn cho các cổ đông; ổn định việc làm, nâng cao đời sống của người lao động góp phần ổn định trật tự xã hội.

- Chiến lược phát triển trung và dài hạn:

Tiếp tục đầu tư kho bãi, nguồn nhân lực và hệ thống quản trị nhằm xây dựng mạng lưới phân phối than rộng khắp Miền Bắc để trở thành kênh phân phối than lớn và có uy tín của Tập đoàn TKV.

- Các mục tiêu phát triển bền vững (môi trường, xã hội và cộng đồng) và chương trình chính liên quan đến ngắn hạn và trung hạn của Công ty:

Phải xây dựng được mối quan hệ gắn bó với các cơ quan chức năng và cộng đồng dân cư của địa phương, đồng hành cùng với địa phương trong quá trình phát triển và bảo vệ môi trường.

5. *Các rủi ro*: (Nêu các rủi ro có thể ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh hoặc đối với việc thực hiện các mục tiêu của Công ty, trong đó có rủi ro về môi trường):

- Nguồn than nhập khẩu và nguồn than trôi nổi có giá thấp hơn giá thị trường trong nước của TKV, tuy có sản lượng không ổn định, nhưng có xu hướng giá ngày càng sẽ chiếm lĩnh khách hàng của Công ty.

- Một số khách hàng sử dụng than có xu hướng dần chuyển sang sử dụng ga, khí đốt như sản xuất đạm, gạch.

- Một số kho bãi hiện tại gần khu dân cư, trong tương lai gần phải di chuyển xa các khu dân cư để tránh ô nhiễm bụi than.

- Do các kho bãi đa số gần sông, do đó có nguy cơ bị lũ lụt đe dọa.

- Vốn điều lệ thấp so với quy mô kinh doanh, do đó phải sử dụng vốn vay, dẫn đến tăng rủi ro về vốn.

II. Tình hình hoạt động trong năm:

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

- Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm:

Năm 2024, được sự quan tâm chỉ đạo của lãnh đạo TKV, sự giúp đỡ và phối hợp của các ban chuyên môn TKV trong các giải pháp điều hành, sự chủ động trong công tác chuẩn bị các nguồn than từ cuối năm 2023, TMB đã sớm tổ chức triển khai các nhiệm vụ kế hoạch PHKD ngay từ những ngày đầu năm, thực hiện nghiêm kỷ luật điều hành, đảm bảo cung cấp than kịp thời cho các nhà máy nhiệt điện theo kế hoạch tiêu thụ của TKV và hoàn thành nhiệm vụ là đơn vị đầu mối nhập khẩu than của TKV.

Dưới sự lãnh đạo của BCH Đảng bộ và Hội đồng quản trị, Ban lãnh đạo và bộ máy điều hành Công ty đã chủ động, linh hoạt xây dựng phương án, kịch bản sản xuất, kinh doanh tháng, quý phù hợp tình hình thực tế, bảo đảm an toàn và hiệu quả.

TMB thực hiện pha trộn than trên cơ sở tỷ lệ pha trộn theo phương án kế hoạch TKV giao, trong một số giai đoạn nguồn than nhập khẩu khan hiếm, TMB có điều chỉnh linh hoạt tỷ lệ than nhập khẩu vào pha trộn nhằm đảm bảo khối lượng than pha trộn nhưng vẫn đảm bảo chất lượng than pha trộn theo quy định của hợp đồng.

Để chủ động kế hoạch cấp than cho các nhà máy nhiệt điện ở khu vực miền Trung, miền Nam như: Nhiệt điện Vũng Áng 1, Nhiệt điện Vĩnh Tân 2, Nhiệt điện Duyên Hải 1 và triển khai nhập khẩu than từ Lào, TMB đã được TKV chấp thuận chủ trương nghiên cứu mở kho trung chuyển than tại khu vực Miền Trung.

- Để giải phóng tồn kho, thuận lợi cho công tác sắp xếp kho bãi, TMB đã đề nghị TKV cho phép đưa một số chủng loại than tồn trên kho từ các năm 2021, 2022 vào pha trộn để cho ra các loại than phù hợp giao cho Điện Hải Phòng, Điện Thái Bình 2.

- Về tiêu thụ than nhập khẩu trực tiếp: Năm 2024 TMB đã thực hiện giao

472.000/500.000 tấn than Lào cho Điện Vĩnh Tân 2, đạt 94% kế hoạch TKV giao.

- Về tiêu thụ than tự doanh: Sang năm 2024, do giá than thế giới đã giảm khá nhiều so với giai đoạn đầu năm 2023 nên nhu cầu than của các hộ tự doanh đã bớt căng thẳng. Việc tiêu thụ một số chủng loại than kém chất lượng cao có chậm lại cho đến khi TKV có quyết định giảm giá thì nhu cầu lại được phục hồi. Hoạt động tiêu thụ tự doanh nhìn chung được duy trì ổn định, góp phần đảm bảo công ăn việc làm và lợi nhuận cho đơn vị, giữ vững thị trường than trong nước của TMB nói riêng và TKV nói chung.

- Tình hình thực hiện so với kế hoạch:

Tình hình thực hiện một số chỉ tiêu sản xuất kinh doanh chủ yếu năm 2024

TT	Các chỉ tiêu	Đơn vị tính	TH 2024	KH 2024	TH 2024	Tỷ lệ (%) so với KH	Tỷ lệ (%) so với năm 2024
	2	3	4	5	6	7	8
	Sản phẩm chủ yếu						
1	Mua than nhập khẩu	Tấn	4.168.133	6.400.000	5.964.103	93%	143%
2	Than bán	Tấn	14.527.974	16.078.000	15.871.041	99%	109%
	- Bán các hộ lẻ	Tấn	1.943.853	1.000.000	1.124.161	112%	58%
	- Bán cho các hộ lớn và TKV	Tấn	11.198.380	13.381.000	13.050.185	98%	117%
	- Bán than NK giao lại	Tấn	1.385.741	1.697.000	1.696.695	100%	122%
3	Doanh thu	Tr. Đồng	37.113.183	43.330.515	41.775.818	96%	113%
4	Giá trị sản xuất	Tr. Đồng	892.249	629.130	765.688	122%	86%
5	Lợi nhuận	Tr. Đồng	414.711	145.950	266.418	183%	64%
6	Tiền lương bình quân	Tr.đồng	22,592	24,349	26,050	107%	115%
7	Cổ tức	%	20	≥10	20	100%	100%

* Nhận xét đánh giá chung thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh:

Nhìn chung năm 2024 Công ty đều hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch đề ra nguyên nhân là do:

*** Công tác nhập mua than và điều hành tiêu thụ than:**

Do tình hình nguồn cung than nhập khẩu và than trong nước cuối năm 2023 tương đối ổn định nên việc chuẩn bị chân hàng cho những tháng đầu năm 2024 khá thuận lợi. Tuy nhiên, đến giai đoạn tháng 4-5/2024, do nhu cầu của các nhà máy tăng cao, tình hình thị trường than nhập khẩu khan hiếm đã dẫn đến nguồn than nhập khẩu về chưa đủ để phục vụ công tác pha trộn, TKV phải điều chỉnh giảm tỷ lệ than nhập khẩu vào pha trộn để đảm bảo đủ than pha trộn cho các nhà máy. Những tháng mùa khô một số nhà máy tăng khối lượng tiếp nhận than so với kế hoạch ban đầu trong khi

nguồn cung than đưa về pha trộn của TKV và than nhập khẩu chưa có sẵn gây khó khăn cho công tác chuẩn bị chân hàng.

Trong quá trình triển khai công tác nhập khẩu than, đặc biệt là trong các giai đoạn nguồn than nhập khẩu khan hiếm, TMB đã chủ động làm việc với các nhà cung cấp trúng thầu để điều chỉnh linh hoạt tiến độ than nhập khẩu về cảng dỡ, đảm bảo đáp ứng kịp thời nguồn than nhập khẩu cho công tác pha trộn, hoàn thành nhiệm vụ là đơn vị đầu mối nhập khẩu than để cung cấp cho các đơn vị pha trộn (bao gồm cả TMB) và cung cấp trực tiếp cho khách hàng (Điện Vĩnh Tân 2) theo kế hoạch TKV giao.

Về tình hình thực hiện nhập khẩu than từ Lào: những khó khăn trong vận chuyển do chính quyền địa phương hạn chế phương tiện lưu thông qua cầu Đakrong đã khiến cho việc thực hiện nhập khẩu than từ Lào không đạt theo kế hoạch.

Về công tác nhập mua than trong nước, được sự quan tâm chỉ đạo sát sao của TKV, việc nhập mua than trong nước năm 2024 về cơ bản không gặp trở ngại gì lớn. Trong năm 2024, TKV triển khai mua bán than theo nhiệt đối với các chủng loại than trong nước. Sự thay đổi này ban đầu đã gây ra những lúng túng nhất định trong việc nghiên cứu, xây dựng và thực hiện các quy định cũng như các điều khoản của hợp đồng, thương thảo với khách hàng.

Về tiêu thụ than nhập khẩu trực tiếp: Năm 2024 TMB đã thực hiện giao 472.000/500.000 tấn than Lào cho Điện Vĩnh Tân 2, đạt 94% kế hoạch TKV giao.

- Về tiêu thụ than tự doanh: Sang năm 2024, do giá than thế giới đã giảm khá nhiều so với giai đoạn đầu năm 2023 nên nhu cầu than của các hộ tự doanh đã bớt căng thẳng. Việc tiêu thụ một số chủng loại than kém chất lượng cao có chậm lại cho đến khi TKV có quyết định giảm giá thì nhu cầu lại được phục hồi. Hoạt động tiêu thụ tự doanh nhìn chung được duy trì ổn định, góp phần đảm bảo công ăn việc làm và lợi nhuận cho đơn vị, giữ vững thị trường than trong nước của TMB nói riêng và TKV nói chung.

*** Công tác pha trộn, chế biến than:**

Năm 2024, TMB đã triển khai thực hiện công tác pha trộn, chế biến đảm bảo theo đúng kế hoạch TKV giao, đáp ứng kịp thời nhu cầu của các nhà máy, đặc biệt trong giai đoạn mùa cao điểm. Giai đoạn mùa mưa, nhiều nhà máy giảm công suất phát điện, không nhận hết khối lượng than theo kế hoạch đăng ký, bốc dỡ hàng chậm...khiến than phải tồn lâu trên các phương tiện chờ dỡ hàng, riêng trong tháng 9/2024, do ảnh hưởng của cơn bão số 3 và tình hình lũ lụt do mưa lớn kéo dài đã khiến hoạt động sản xuất bị đình trệ một thời gian, sản lượng pha trộn giao lại TKV trong tháng 9 vì thế không đạt như kế hoạch ban đầu TKV giao.

- Các điểm pha trộn của TMB đều áp dụng công nghệ pha trộn đồng bộ theo yêu cầu của TKV, bảo đảm chất lượng than sau pha trộn giao cho khách hàng.

- TMB thực hiện pha trộn than trên cơ sở tỷ lệ pha trộn theo phương án kế hoạch TKV giao, trong một số giai đoạn nguồn than nhập khẩu khan hiếm, TMB có điều chỉnh linh hoạt tỷ lệ than nhập khẩu vào pha trộn nhằm đảm bảo khối lượng than pha trộn nhưng vẫn đảm bảo chất lượng than pha trộn theo quy định của hợp đồng.

- Để chủ động kế hoạch cấp than cho các nhà máy nhiệt điện ở khu vực miền Trung, miền Nam như: Nhiệt điện Vũng Áng 1, Nhiệt điện Vĩnh Tân 2, Nhiệt điện Duyên Hải 1 và triển khai nhập khẩu than từ Lào, TMB đã được TKV chấp thuận chủ trương nghiên cứu mở kho trung chuyển than tại khu vực Miền Trung.

- Để giải phóng tồn kho, thuận lợi cho công tác sắp xếp kho bãi, TMB đã đề nghị TKV cho phép đưa một số chủng loại than tồn trên kho từ các năm 2021, 2022 vào pha trộn để cho ra các loại than phù hợp giao cho Điện Hải Phòng, Điện Thái Bình 2.

*** Thực hiện giao nhận than hộ lớn:**

Công tác thực hiện giao nhận than hộ lớn nhìn chung các đơn vị được giao nhiệm vụ làm dịch vụ giao nhận than cho TKV đã có nhiều cố gắng trong quá trình tổ chức thực hiện, đảm bảo đáp ứng kịp thời khối lượng than giao cho khách hàng theo kế hoạch điều hành của TKV; Chủ động trao đổi với khách hàng và đơn vị vận tải, bám sát tình hình thanh toán tiền than của khách hàng; thực hiện giao nhận, đối chiếu công nợ và thanh toán theo đúng quy định của TKV. Tuy nhiên, vẫn còn một số đơn vị chưa thực hiện hết vai trò trách nhiệm của đơn vị làm dịch vụ, chưa quan tâm sát sao đến việc lập nhật ký dỡ và giao hàng/thống kê đối chiếu số liệu giao nhận than giữa đầu nguồn với cuối nguồn, công tác báo cáo chưa kịp thời, có đơn vị để xảy ra chênh lệch lớn về chỉ tiêu nhiệt trị giữa cảng dỡ với cảng xếp hàng..

2. Tổ chức và nhân sự:

- Danh sách Ban điều hành (Danh sách, tóm tắt lý lịch và tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết và các chứng khoán khác do công ty phát hành của Tổng Giám đốc, các Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng và các cán bộ quản lý khác:

Ngô Quang Trung, Tổng Giám đốc từ 01/6/2018 đến nay

Nguyễn Minh Hải, Phó Tổng Giám đốc từ 01/4/2017 đến nay

Nguyễn Thành Nam, Phó Tổng giám đốc từ ngày 20/2/2024 đến nay

Hoàng Minh Long, Phó Tổng giám đốc từ ngày 14/4/2024 đến nay

Nguyễn Đức Vinh, Kế toán trưởng từ 01/4/2018 đến nay

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

SƠ YẾU LÝ LỊCH CÁN BỘ

1. Họ và tên khai sinh: **NGÔ QUANG TRUNG**
2. Giới tính: Nam
3. Ngày, tháng, năm sinh: 03 tháng 10 năm 1971
4. Nơi sinh: Hạ Long, Quảng Ninh
5. Quê quán: xã Thanh Chi, huyện Thanh Chương, tỉnh Nghệ An
6. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú hiện nay: Tổ 10, Khu 5, phường Yết Kiêu, TP Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh
7. Chứng minh thư nhân dân số 100622246; Nơi cấp: CA Quảng Ninh; Ngày cấp: 29/6/2007
8. Điện thoại liên hệ: 0913266569
9. Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Kinh tế và Quản trị doanh nghiệp
10. Chức vụ đang nắm giữ tại Công ty: Thành viên HĐQT kiêm Tổng giám đốc
11. Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác: không
12. Quá trình công tác:

Từ tháng, năm đến tháng, năm	Đơn vị công tác	Chức vụ
9/1995-12/1999	Chi nhánh Công ty CB&KD than Miền Bắc tại Quảng Ninh	Nhân viên Kế hoạch
01/2000-2/2001	Phòng Kế hoạch Công ty CB&KD than Quảng Ninh- Công ty CB&KD than Miền Bắc	Chuyên viên
03/2001-7/2003	Phòng Kế hoạch Công ty CB&KD than Quảng Ninh- Công ty CB&KD than Miền Bắc	Phó trưởng phòng
08/2003-01/2004	Phòng đại diện Công ty CB&KD than Miền Bắc tại Quảng Ninh	Phó văn phòng đại diện
01/2004-10/2004	Phòng Kế hoạch và Thị trường Công ty CB&KD than Miền Bắc kiêm Phó văn phòng đại diện Công ty TNHH MTV CB&KD than Miền Bắc tại Quảng Ninh	Phó trưởng phòng
09/2004-12/2006	Trạm CB&KD than Hòn Gai Công ty CB&KD than Quảng Ninh- Công ty CB&KD than Miền Bắc	Trạm trưởng
01/2007-	Trạm CB&KD than Hòn Gai Công ty KD than	Trạm trưởng

12/2007	Quảng Ninh- Công ty CPKD than Miền Bắc	
01/2008- 12/2008	Phòng Thương Mại Công ty KD than Quảng Ninh- Công ty CPKD than Miền Bắc	Trưởng phòng
01/2009- 04/2009	Công ty CB&KD than Quảng Ninh- Công ty CPKD than Miền Bắc	Phó giám đốc
05/2009- 01/2015	Công ty KD than Hải Phòng- Công ty CPKD than Miền Bắc	Giám đốc
02/2015- 15/10/2015	Công ty CPKD than Miền Bắc Công ty KD than Hải Phòng	Phó tổng giám đốc Giám đốc
16/10/2015 – 31/5/2018	Ban Kinh doanh than – Tập đoàn TKV	Phó trưởng ban
01/6/2018-	Công ty cổ phần Kinh doanh than Miền Bắc- Vinacomin	Tổng giám đốc

13. Hành vi vi phạm pháp luật: Không.

14. Sở hữu chứng khoán của cá nhân và người có liên quan trong tổ chức đăng ký niêm yết:

- Sở hữu cá nhân: 3.582 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0,024% Vốn điều lệ.
- Đại diện sở hữu: Không có.
- Sở hữu của người có liên quan: Không có.

15. Các khoản nợ đối với Công ty: Không có.

16. Thù lao và lợi ích khác nhận được từ Công ty: Thù lao, thưởng thành viên HĐQT.

17. Lợi ích liên quan đối với Công ty: Không có.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

SƠ YẾU LÝ LỊCH

1. Họ và tên: NGUYỄN MINH HẢI

2. Giới tính: Nam

3. Ngày tháng năm sinh: 13/01/1972

4. Nơi sinh: Hải Phòng

5. Quốc tịch: Việt Nam

6. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú hiện nay: Phòng 304, Nơ 6A, Bán đảo Linh Đàm, phường Hoàng Liệt, quận Hoàng Mai, Hà Nội.

7. Chứng minh thư nhân dân số 013055437; Nơi cấp: CA Hà Nội; Ngày cấp: 19/03/2008.

8. Điện thoại liên hệ: 0913.283361

9. Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ quản lý kinh tế, Cử nhân Tài chính kế toán.

10. Chức vụ đang nắm giữ tại Công ty: Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng giám đốc.

11. Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác: Không có.

12. Quá trình công tác:

Thời gian (Từ tháng, năm đến tháng, năm)	Đơn vị công tác	Chức vụ
9/1993- 9/1995	Làm việc tự do	
9/1995- 5/1999	Mỏ than Bảo Đài - Công ty than Uông Bí	Nhân viên kế toán, phó trưởng phòng kế toán.
5/1999-5/2000	Phòng tài chính kế toán – Công ty Chế biến và Kinh doanh than Miền Bắc	Nhân viên kế toán
5/2000-6/2002	Phòng tài chính kế toán – Công ty Chế biến và Kinh doanh than Miền Bắc	Phó trưởng phòng
7/2002-12/2006	Công ty Chế biến và Kinh doanh than Miền Bắc	Kế toán trưởng
01/2007-4/2016	Công ty cổ phần kinh doanh than Miền Bắc-Vinacomin	Kế toán trưởng, ủy viên HĐQT

4/2016- nay	Công ty cổ phần kinh doanh than Miền Bắc-Vinacomin	Phó tổng giám đốc, ủy viên HĐQT
-------------	--	---------------------------------

13. Hành vi vi phạm pháp luật: Không.

14. Sở hữu chứng khoán của cá nhân và người có liên quan trong tổ chức đăng ký niêm yết:

- Sở hữu cá nhân: 12.372 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0,082 % Vốn điều lệ.
- Đại diện sở hữu: Không có.
- Sở hữu của người có liên quan:
- + Vợ: Ngô Thị Kim Dung: 7.608 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0,05% Vốn điều lệ.
- + Em ruột: Nguyễn Thị Thu Hà: 1.434 cổ phần, chiếm 0,01% Vốn điều lệ.

15. Các khoản nợ đối với Công ty: Không có.

16. Thù lao và lợi ích khác nhận được từ Công ty: Thù lao, thưởng thành viên HĐQT.

17. Lợi ích liên quan đối với Công ty: Không có.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

SƠ YẾU LÝ LỊCH

1. Họ và tên: **NGUYỄN THÀNH NAM**

2. Giới tính: Nam

3. Ngày tháng năm sinh: 27 tháng 9 năm 1974

4. Nơi sinh: Vàng Danh, Uông Bí, Quảng Ninh

5. Quốc tịch: Việt Nam

6. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú hiện nay: Ô số 12, Lô B khu tái định cư Đồng Me, Tổ dân phố số 5 Mễ Trì Hạ, Phường Mễ Trì, Quận Nam Từ Liêm, Hà Nội

7. Căn cước công dân số 022074002881; Nơi cấp: Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội; Ngày cấp: 15/4/2023.

8. Điện thoại liên hệ: Di động: 0915.551.166

9. Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ Quản trị kinh doanh.

10. Chức vụ đang nắm giữ tại Công ty: Phó Tổng giám đốc.

11. Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác: Không có.

12. Quá trình công tác:

Từ tháng, năm đến tháng, năm	Chức danh, chức vụ, đơn vị công tác (đảng, chính quyền, đoàn thể)
12/1994-7/1998	Nhân viên kinh tế - Mỏ than Yên Tử - Công ty than Uông Bí
8/1998-7/1999	Cử nhân kinh tế - Phòng kinh tế mỏ - Viện khoa học công nghệ mỏ
9/1999-5/2000	Phó chánh văn phòng, phụ trách Văn Phòng – Viện khoa học công nghệ mỏ
6/2000-7/2003	Chánh văn phòng – Viện khoa học công nghệ mỏ
8/2003-4/2023	Trưởng phòng kế hoạch – Viện khoa học công nghệ mỏ - Vinacomin
5/2023-2/2024	Trưởng phòng Kinh tế dự án – Viện Khoa học Công nghệ Mỏ - Vinacomin
01/02/2024-19/2/2024	Phó chánh văn phòng Tập đoàn Công nghiệp Than – Khoáng sản Việt Nam
20/02/2024-Đến nay	Phó tổng giám đốc Công ty cổ phần Kinh doanh than Miền Bắc- Vinacomin

13. Hành vi vi phạm pháp luật: Không.

14. Sở hữu chứng khoán của cá nhân và người có liên quan trong tổ chức đăng ký niêm yết:

- Sở hữu cá nhân: 0 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0,0% Vốn điều lệ.
- Đại diện sở hữu: Không có.
- Sở hữu của người có liên quan: Không có.

15. Các khoản nợ đối với Công ty: Không có.

16. Thù lao và lợi ích khác nhận được từ Công ty: Thù lao, thưởng thành viên HĐQT.

17. Lợi ích liên quan đối với Công ty: Không có.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

SƠ YẾU LÝ LỊCH CÁN BỘ

1. Họ và tên khai sinh: HOÀNG MINH LONG
2. Giới tính: Nam
3. Ngày, tháng, năm sinh: 26 tháng 02 năm 1979
4. Nơi sinh: Cửa Ông, Cẩm Phả, Quảng Ninh
5. Quê quán: xã Đông Hưng, huyện Đông La, tỉnh Thái Bình
6. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú hiện nay: Tổ 4, Khu 4B, phường Hồng Hải, TP Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh
7. Căn cước công dân số 022079004442; Nơi cấp: Cục Quản lý hành chính về trật tự xã hội; Ngày cấp: 10/08/2024
8. Điện thoại liên hệ: 0987262586
9. Trình độ chuyên môn: Kỹ sư tuyển khoáng
10. Chức vụ đang nắm giữ tại Công ty: Phó Tổng giám đốc
11. Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác: không
12. Quá trình công tác:

Từ tháng, năm đến tháng, năm	Đơn vị công tác	Chức vụ
10/2001-2/2010	Phân xưởng Tuyển than 2, Công ty tuyển than Cửa Ông - TKV	Nhân viên
02/2010-3/2010	Phân xưởng CB&KD than Máy Chai, Công ty KD than Hải Phòng	Nhân viên giao nhận
04/2010-11/2010	Trạm CB&KD than Cửa Cẩm, Công ty KD than Hải Phòng	Cán bộ giao nhận
12/2010-11/2012	Trạm CB&KD than Minh Đức, Công ty KD than Hải Phòng	Thủ kho
12/2012 - 7/2013	Trạm CB&KD than Minh Đức, Công ty KD than Hải Phòng	Tổ trưởng GN than cuối nguồn
7/2013-4/2014	Trạm CB&KD than Minh Đức, Công ty KD than Hải Phòng	CH trưởng CH Thủy nguyên
5/2014-9/2014	Phòng Kế hoạch Kinh doanh - Công ty KD than Hải Phòng	Phó trưởng phòng
10/2014-	Phòng Kế hoạch Kinh doanh - Công ty KD than Hải Phòng	Trưởng phòng

3/2019	Phòng	
04/2019 - 4/2020	Phòng Kế hoạch thị trường, Công ty CPKD than Miền Bắc - Vinacomin	Phó trưởng phòng
5/2020 – 4/2024	Phòng Kinh doanh, Công ty Cổ phần Kinh doanh than Miền Bắc - Vinacomin	Trưởng phòng
4/2024 - nay	Phó tổng giám đốc Công ty Cổ phần Kinh doanh than Miền Bắc - Vinacomin	Phó tổng giám đốc

13. Hành vi vi phạm pháp luật: Không.

14. Sở hữu chứng khoán của cá nhân và người có liên quan trong tổ chức đăng ký niêm yết:

- Sở hữu cá nhân: 0 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0% Vốn điều lệ.
- Đại diện sở hữu: Không có.
- Sở hữu của người có liên quan: Không có.

15. Các khoản nợ đối với Công ty: Không có.

16. Thù lao và lợi ích khác nhận được từ Công ty: Thù lao, thưởng thành viên HĐQT.

17. Lợi ích liên quan đối với Công ty: Không có.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

SƠ YẾU LÝ LỊCH

1. Họ và tên: NGUYỄN ĐỨC VINH
2. Giới tính: Nam
3. Ngày tháng năm sinh: 19/09/1987
4. Nơi sinh: Quang Trung, Vụ Bản, Nam Định
5. Quốc tịch: Việt Nam
6. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú hiện nay: 30 Trần Hữu Dực, Nam Từ Liêm, Hà Nội
7. Chứng minh thư nhân dân số 036087012631; Nơi cấp: cục trưởng cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội; Ngày cấp: 21/4/2021.
8. Điện thoại liên hệ: 0915.246129
9. Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ kinh tế.
10. Chức vụ đang nắm giữ tại Công ty: Kế toán trưởng.
11. Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác: Không có.
12. Quá trình công tác:

Thời gian (Từ tháng, năm đến tháng, năm)	Đơn vị công tác	Chức vụ
8/2009 - 9/2015	Phòng Tài chính kế toán – Công ty CP Kinh doanh than Miền Bắc	Chuyên viên
9/2015 - 4/2016	Phòng Tài chính kế toán – Công ty CP Kinh doanh than Miền Bắc	Phó trưởng phòng
4/2016 - 8/2016	Phòng Tài chính kế toán – Công ty CP Kinh doanh than Miền Bắc	Phó trưởng phòng phụ trách
8/2016- 3/2018	Phòng Tài chính kế toán – Công ty CP Kinh doanh than Miền Bắc	Trưởng phòng
01/4/2018	Phòng Tài chính kế toán – Công ty CP Kinh doanh than Miền Bắc	Kế toán trưởng

13. Hành vi vi phạm pháp luật: Không.
14. Sở hữu chứng khoán của cá nhân và người có liên quan trong tổ chức đăng ký niêm yết:

- Sở hữu cá nhân: 0 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0 % Vốn điều lệ.
- Đại diện sở hữu: Không có.
- Sở hữu của người có liên quan: Không có.

15. Các khoản nợ đối với Công ty: Không có.

16. Thù lao và lợi ích khác nhận được từ Công ty: Không có.

17. Lợi ích liên quan đối với Công ty: Không có.

- Những thay đổi trong ban điều hành (Liệt kê các thay đổi trong Ban điều hành trong năm): không có

- Số lượng cán bộ, nhân viên. Tóm tắt chính sách và thay đổi trong chính sách đối với người lao động:

Công ty đã ban hành Hệ thống thang lương, bảng lương và chế độ phụ cấp lương theo hướng dẫn của TKV; Quy chế tiền lương, Quy chế thi đua khen thưởng, Quy chế quản lý quỹ thi đua khen thưởng trong toàn Công ty.

Lao động có mặt theo danh sách:

Lao động đầu kỳ 01/01/2024: 601 người

Lao động cuối kỳ 31/12/2024: 611 người

Lao động đã tăng thêm: 10 người

Thu nhập tiền lương bình quân toàn Công ty 26.050.000 đồng, bằng 100% kế hoạch năm.

3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án.

a) Các khoản đầu tư lớn: Nêu các khoản đầu tư lớn được thực hiện trong năm (bao gồm các khoản đầu tư tài chính và các khoản đầu tư dự án), tình hình thực hiện các dự án lớn. Đối với trường hợp công ty đã chào bán chứng khoán để thực hiện các dự án, cần nêu rõ tiến độ thực hiện các dự án này và phân tích nguyên nhân dẫn đến việc đạt/không đạt tiến độ đã công bố và cam kết:

Kế hoạch đầu tư năm 2024 điều chỉnh là: 21.911 triệu đồng (Đã bao gồm VAT) (TKV thông qua tại văn bản số 6519/TKV-ĐT ngày 22/11/2024 của về việc Thông báo kế hoạch đầu tư năm 2024 điều chỉnh của Công ty CPKD than Miền Bắc - Vinacomin) và được phê duyệt tại Quyết định số 3579/QĐ-TMB ngày 10/12/2024 của Hội đồng quản trị Công ty về việc phê duyệt kế hoạch đầu tư năm 2024 điều chỉnh của Công ty CPKD than Miền Bắc-Vinacomin.

Công tác thực hiện KHĐT năm 2024:

Đơn vị tính: Triệu đồng

Danh mục đầu tư	Nguồn vốn theo KHĐT 2024 điều chỉnh		KHĐT năm 2024 điều chỉnh lần cuối	Thực hiện năm 2024 (Đã giải ngân bao gồm VAT)	Tỷ lệ % (Thực hiện so với kế hoạch)
	Vốn chủ sở hữu	Vay thương mại			
Kế hoạch đầu tư năm 2024	21.911	0	21.911	20.717	95%
Công trình chuyển tiếp	11	0	11	11	
Công trình khởi công mới	21.640	0	21.640	20.549	
Chuẩn bị dự án	260	0	260	157	
Dự phòng	0	0	0		

- Kế hoạch gồm 17 dự án, trong đó có 01 dự án chuyển tiếp từ kế hoạch năm 2024, 13 dự án khởi công mới và 3 dự án chuẩn bị dự án.

Dự án chuyển tiếp:

- Xây dựng tường rào và đổ bê tông nền kho trạm CB&KD than Yên Bằng - Công ty kinh doanh than Hà Nam Ninh.

Dự án khởi công mới

- Mua máy photocopy cho trạm và đơn vị trực thuộc TMB;

- Đầu tư bảng hiệu điện tử công ty kinh doanh than Hà Bắc;

- Nâng cấp hệ thống văn phòng điện tử (Portal) - Công ty CPKD than Miền Bắc - Vinacomin.

- Nâng cấp trang website (thanmienbac.vn) của Công ty CPKD than Miền Bắc - Vinacomin;

- Đầu tư hệ điều hành office 365 của Công ty CPKD than Miền Bắc - Vinacomin;

- Cải tạo nâng cấp hội trường, phòng họp tại Văn phòng - Công ty CPKD than Miền Bắc - Vinacomin;

- Đầu tư xây dựng, lắp đặt hệ thống PCCC tại bến cảng xuất nhập hàng hóa và tập kết than mỏ Công ty KD than Miền Bắc - Vinacomin;

- Hệ thống PCCC - Văn phòng Công ty kinh doanh than Thanh Hóa;

- Mua 01 xe ô tô 15 -16 chỗ phục vụ hoạt động SXKD - Công ty CPKD than Miền Bắc - Vinacomin;

- Xây dựng trạm chế biến và kinh doanh than Cửa Ông - Chi nhánh Quảng Ninh;

- Đầu tư thiết bị bốc xếp kho cảng - Công ty KD than Miền Bắc - Vinacomin;

- Đầu tư mua máy phát điện trạm chế biến và kinh doanh than Cửa Ông - Chi nhánh Quảng Ninh;

- Xây dựng nhà văn phòng - Công ty KD than Hải Phòng;

Chuẩn bị dự án:

- Dự án nhóm B:

+ Cảng thủy nội địa Công ty CPKD than Miền Bắc - Vinacomin để cung cấp than phục vụ nhu cầu của các nhà máy nhiệt điện (Cảng Đông Hải);

- Dự án nhóm C:

+ Dự án đầu tư thiết bị phục vụ công tác giám định chất lượng than - Chi nhánh Quảng Ninh;

+ Dự án đầu tư xây dựng bến bốc xếp hàng hóa, kè bảo vệ bờ và hệ thống rửa xe, lưới chắn bụi kho cảng Khánh Phú - Công ty Kinh doanh than Ninh Bình;

Công ty CP KD than Miền Bắc-Vinacomin thực hiện đầu tư năm 2024 dựa trên các cơ sở sau:

- Kế hoạch đầu tư năm 2024 và KHĐT 2024 điều chỉnh của Hội đồng quản trị Công ty.

- Thẩm định, Quyết định phê duyệt Báo cáo KTKT của Công ty CP KD than Miền Bắc-Vinacomin cho từng công trình, hạng mục công trình.

- Tổ chức lựa chọn nhà thầu (Mời thầu, đánh giá hồ sơ dự thầu,...), thực hiện các giai đoạn của quá trình đầu tư do Phòng Đầu tư và Vật tư phối hợp cùng các đơn vị trực thuộc có dự án/công trình thực hiện theo chức năng, nhiệm vụ được giao.

- Hợp đồng kinh tế giữa Chủ đầu tư và các nhà thầu.
 - Các hồ sơ, tài liệu do nhà thầu cung cấp như nhật ký công trình, bản vẽ hoàn công....

- Quyết toán công trình được kiểm toán độc lập thẩm tra trước khi phê duyệt.

Toàn bộ hồ sơ đầu tư của Công ty CP KD than Miền Bắc - Vinacomin đều trên cơ sở văn bản pháp luật của Nhà nước về quản lý đầu tư xây dựng, quản lý tài chính, bảo vệ môi trường và Quy chế quản lý đầu tư xây dựng của Công ty CPKD than Miền Bắc-Vinacomin ban hành theo Quyết định số 908/QĐ-HĐQT ngày 01/4/2024 của Hội đồng quản trị Công ty.

4. Tình hình tài chính:

a) Tình hình tài chính:

Chỉ tiêu/ <i>Financial Figure</i>	Năm/Year 2023	Năm/Year 2024	% tăng giảm/ % change
* Đối với tổ chức không phải là tổ chức tín dụng và tổ chức tài chính phi ngân hàng/ <i>Applicable for organization other than credit institutions and non-bank financial institutions:</i>			
Tổng giá trị tài sản/ <i>Total asset</i>	3.951.578.811.100	4.042.533.495.570	102%
Doanh thu thuần/ <i>Net revenue</i>	37.113.183.010.928	41.775.818.154.215	113%
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/ <i>Profit from operating activities</i>	385.613.238.360	193.586.865.058	50%
Lợi nhuận khác/ <i>Other profits</i>	37.248.237.227	72.830.787.271	196%
Lợi nhuận trước thuế/ <i>Profit before tax</i>	422.861.475.587	266.417.652.329	63%
Lợi nhuận sau thuế/ <i>Profit after tax</i>	338.144.017.324	199.650.125.203	59%
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức/ <i>Payout ratio</i>	20%	20%	100%
* Đối với tổ chức tín dụng và tổ chức tài chính phi ngân hàng/ <i>Applicable to credit institutions and non-bank financial institutions:</i>			
Tổng giá trị tài sản/ <i>Total asset</i>			
Doanh thu/ <i>Revenue</i>			
Thuế và các khoản phải nộp/ <i>Taxes and payables</i>			
Lợi nhuận trước thuế/ <i>Before tax profit</i>			
Lợi nhuận sau thuế/ <i>After tax profit</i>			

- Các chỉ tiêu khác/ *other figures*: (tùy theo đặc điểm riêng của ngành, của công ty để làm rõ kết quả hoạt động kinh doanh trong hai năm gần nhất/*depending on the specific characteristics of the industry and of the Company to clarify the company's operating results for the last two years*).

b) Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu/*Major financial benchmarks*:

Chỉ tiêu/ <i>Benchmarks</i>	Năm/Year 2023	Năm/Year 2024	Ghi chú/ <i>Note</i>
<p>1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán/ <i>Solvency ratio</i></p> <p>+ Hệ số thanh toán ngắn hạn/<i>Current ratio</i>:</p> <p>Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn (<i>Short term Asset/Short term debt</i>)</p> <p>+ Hệ số thanh toán nhanh/<i>Quick ratio</i>:</p> <p><u>Tài sản ngắn hạn - Hàng tồn kho</u> Nợ ngắn hạn <u><i>Short term Asset - Inventories</i></u> <i>Short term Debt</i></p>	<p>1,19</p> <p>0,34</p>	<p>1,23</p> <p>0,34</p>	
<p>2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn/ <i>capital structure Ratio</i></p> <p>+ Hệ số Nợ/Tổng tài sản (<i>Debt/Total assets ratio</i>)</p> <p>+ Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu (<i>Debt/Owners' Equity ratio</i>)</p>	<p>0,82</p> <p>4,63</p>	<p>0,79</p> <p>3,78</p>	
<p>3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động/ <i>Operation capability Ratio</i></p> <p>+ Vòng quay hàng tồn kho/ <i>Inventory turnover</i>:</p> <p>Giá vốn hàng bán/Hàng tồn kho bình quân (<i>Cost of goods sold/Average inventory</i>)</p> <p>Doanh thu thuần/Tổng tài sản (<i>Net revenue/ Total Assets</i>)</p>	<p>14,96</p> <p>9,39</p>	<p>14,35</p> <p>10,33</p>	
<p>4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời/ <i>Target on Profitability</i></p> <p>+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần (<i>profit after tax/</i></p>	<p>0,91%</p>	<p>0,48%</p>	

<i>Net revenue Ratio)</i>			
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu (<i>profit after tax/ total capital Ratio</i>)	48,15%	23,63%	
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản (<i>profit after tax/ Total assets Ratio</i>)	8,56%	4,94%	
+ Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần (<i>Operating profit/ Net revenue Ratio</i>)	1,04%	0,46%	
.....			

Đối với tổ chức tín dụng và tổ chức tài chính phi ngân hàng/*For credit institutions and non-bank financial institutions:*

Chỉ tiêu/ <i>Figures</i>	Năm/ <i>Year</i> X-1	Năm/ <i>Year</i> X	Ghi chú/ <i>Note</i>
1. <i>Quy mô vốn/ Capital scale</i>			
- Vốn điều lệ/ <i>Charter Capital</i>			
- Tổng tài sản có/ <i>Total assets</i>			
- Tỷ lệ an toàn vốn/ <i>Capital adequacy ratio</i>			
2. <i>Kết quả hoạt động kinh doanh/ Operating results</i>			
- Doanh số huy động tiền gửi/ <i>Cash deposits</i>			
- Doanh số cho vay/ <i>Lendings</i>			
- Doanh số thu nợ/ <i>Debt collection</i>			
- Nợ quá hạn/ <i>Outstanding debts</i>			
- Nợ khó đòi/ <i>Bad debt</i>			
- Hệ số sử dụng vốn/ <i>Incremental Capital Output Ratio</i>			
- Tỷ lệ nợ bảo lãnh quá hạn/Tổng số dư bảo lãnh (<i>Overdue outstanding underwritten debt/ Total outstanding debt Ratio</i>)			
- Tỷ lệ nợ quá hạn/Tổng dư nợ (<i>Overdue outstanding debts/ Total debt Ratio</i>)			
- Tỷ lệ nợ khó đòi/Tổng dư nợ			

(Bad debt/Total debt Ratio)			
3. Khả năng thanh khoản/ Solvency			
- Khả năng thanh toán ngay/Short term solvency			
- Khả năng thanh toán chung/ General solvency			

5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu/ Shareholders structure, change in the owner's equity.

a) Cổ phần/Shares: Nêu tổng số cổ phần và loại cổ phần đang lưu hành, số lượng cổ phần chuyển nhượng tự do và số lượng cổ phần bị hạn chế chuyển nhượng theo quy định pháp luật, Điều lệ công ty hay cam kết của người sở hữu. Trường hợp công ty có chứng khoán giao dịch tại nước ngoài hay bảo trợ việc phát hành và niêm yết chứng khoán tại nước ngoài, cần nêu rõ thị trường giao dịch, số lượng chứng khoán được giao dịch hay được bảo trợ và các thông tin quan trọng liên quan đến quyền, nghĩa vụ của công ty liên quan đến chứng khoán giao dịch hoặc được bảo trợ tại nước ngoài/Specify total number and types of floating shares, number of freely transferable shares and number of preferred shares in accordance with the law, Company Charter and commitments of the owner. Where the company has securities traded in foreign countries or underwritten the issuance and listing of securities in foreign countries, it is required to specify the foreign markets, the number of securities to be traded or underwritten and important information concerning the rights and obligations of the company related to the securities traded or underwritten in foreign countries.

- Số lượng cổ phần đang lưu hành: 15.000.000 cổ phần

- Loại cổ phần đang lưu hành: Phổ thông

b) Cơ cấu cổ đông/Shareholders structure: Nêu cơ cấu cổ đông phân theo các tiêu chí tỷ lệ sở hữu (cổ đông lớn, cổ đông nhỏ); cổ đông tổ chức và cổ đông cá nhân; cổ đông trong nước và cổ đông nước ngoài, cổ đông nhà nước và các cổ đông khác/Specify shareholders structure by ownership proportion (major, minority shareholders); institutional and individual shareholders; domestic and foreign shareholders; State and other shareholders).

- Cổ đông Tập đoàn Công nghiệp than – khoáng sản Việt Nam: 67,44%

- Cổ đông cá nhân trong nước: 32,56%

- Cổ đông nước ngoài: Không

c) Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu/ Change in the owner's equity: Nêu các đợt tăng vốn cổ phần trong năm bao gồm các đợt chào bán ra công chúng, chào bán riêng lẻ, chuyển đổi trái phiếu, chuyển đổi chứng quyền, phát hành cổ phiếu thưởng, trả cổ tức bằng cổ phiếu v.v./ Specify equity increases for the year including public offerings, private offerings, bond conversions, warrant conversions, issuance of bonus shares, shares dividend, etc.

- Công ty không thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu trong năm 2024.

d) Giao dịch cổ phiếu quỹ/ Transaction of treasury stocks: Nêu số lượng cổ phiếu quỹ hiện tại, liệt kê các giao dịch cổ phiếu quỹ đã thực hiện trong năm bao gồm

thời điểm thực hiện giao dịch, giá giao dịch và đối tượng giao dịch/ *Specify number of existing treasury stocks, list transactions of treasury stocks conducted for the year including trading times, prices and counter parties*

- Công ty hiện tại không có cổ phiếu quỹ.

e) Các chứng khoán khác/ *Other securities*: nêu các đợt phát hành chứng khoán khác đã thực hiện trong năm. Nêu số lượng, đặc điểm các loại chứng khoán khác hiện đang lưu hành và các cam kết chưa thực hiện của công ty với cá nhân, tổ chức khác (bao gồm cán bộ công nhân viên, người quản lý của công ty) liên quan đến việc phát hành chứng khoán/*Specify other securities issuance conducted during the year. Specify the number, characteristics of other types of floating securities and outstanding commitments of the Company to other individuals, organizations (including Company's staffs and managers) related to the securities issuance.*

- Công ty hiện tại không có các chứng khoán khác.

6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của công ty/ *Report related impact of the Company on the environment and society*

- Công ty là đơn vị kinh doanh than trên địa bàn các tỉnh từ Quảng Bình đổ ra phía Bắc, các kho than nằm rải rác chủ yếu gần các bên sông, xa khu dân cư nên tác động môi trường chủ yếu là bụi bay vào không khí không lớn.

- Công ty là đơn vị kinh doanh than, số lượng người ở các chi nhánh tại các Tỉnh nhỏ hơn 90 người, nằm rải rác, nên tác động xã hội không lớn.

6.1. Quản lý nguồn nguyên vật liệu/*Management of raw materials*:

a) Tổng lượng nguyên vật liệu được sử dụng để sản xuất và đóng gói các sản phẩm và dịch vụ chính của tổ chức trong năm/ *The total amount of raw materials used for the manufacture and packaging of the products as well as services of the organization during the year.*

- Công ty là đơn vị kinh doanh than, không tiến hành sản xuất, sản phẩm không phải đóng gói.

b) Báo cáo tỉ lệ phần trăm nguyên vật liệu được tái chế được sử dụng để sản xuất sản phẩm và dịch vụ chính của tổ chức/ *The percentage of materials recycled to produce products and services of the organization.*

- Công ty không có nguyên vật liệu được tái chế.

6.2. Tiêu thụ năng lượng/ *Energy consumption*:

a) Năng lượng tiêu thụ trực tiếp và gián tiếp/ *Energy consumption - directly and indirectly.*

- Công ty là đơn vị kinh doanh than, nên mức tiêu thụ năng lượng thấp, tổng mức điện tiêu thụ trong năm vào khoảng 1.100.000KW.

b) Năng lượng tiết kiệm được thông qua các sáng kiến sử dụng năng lượng hiệu quả/ *Energy savings through initiatives of efficiently using energy.*

- Công ty không có.

c) Các báo cáo sáng kiến tiết kiệm năng lượng (cung cấp các sản phẩm và dịch vụ tiết kiệm năng lượng hoặc sử dụng năng lượng tái tạo); báo cáo kết quả của các sáng kiến này/ *The report on energy saving initiatives (providing products and services to save energy or use renewable energy); report on the results of these*

initiatives.

- Công ty không có.

6.3. *Tiêu thụ nước: (mức tiêu thụ nước của các hoạt động kinh doanh trong năm)/ Water consumption (water consumption of business activities in the year)*

a) Nguồn cung cấp nước và lượng nước sử dụng/ *Water supply and amount of water used.*

- Công ty là đơn vị kinh doanh than, nên lượng nước chủ yếu dùng cho sinh hoạt, tiêu thụ ít. Nguồn nước tiêu thụ chủ yếu là nước máy, lượng tiêu thụ trong năm khoảng 5.000m³.

b) Tỷ lệ phần trăm và tổng lượng nước tái chế và tái sử dụng/ *Percentage and total volume of water recycled and reused.*

- Công ty không có.

6.4. *Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường/ Compliance with the law on environmental protection:*

a) Số lần bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường/ *Number of times the company is fined for failing to comply with laws and regulations on environment.*

- Không có.

b) Tổng số tiền do bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường/ *The total amount to be fined for failing to comply with laws and regulations on the environment.*

- Không có.

6.5. *Chính sách liên quan đến người lao động/ Policies related to employees*

a) Số lượng lao động, mức lương trung bình đối với người lao động/ *Number of employees, average wages of workers.*

- Số lao động 611 người.

- Tiền lương bình quân: 26.050.000 đồng/người/tháng.

b) Chính sách lao động nhằm đảm bảo sức khỏe, an toàn và phúc lợi của người lao động/ *Labor policies to ensure health, safety and welfare of workers.*

- Người lao động hàng năm được khám sức khỏe định kỳ một lần.

- Những lao động trực tiếp được trang bị bảo hộ lao động theo quy định của luật lao động.

- Người lao động được cấp đồng phục.

- Hàng năm người lao động được đi nghỉ mát, du lịch một lần.

c) Hoạt động đào tạo người lao động/ *Training employees*

- Số giờ đào tạo trung bình mỗi năm, theo nhân viên và theo phân loại nhân viên/ *The average number of training hours per year, according to the staff and classified staff.*

Hàng năm Công ty cử lao động đi đào tạo nâng cao nghiệp vụ theo chương trình của Tập đoàn TKV tổ chức, mỗi năm trung bình khoảng 6 khóa, mỗi khóa 3 ngày, mỗi

khóa cử đi 3 người.

- Các chương trình phát triển kỹ năng và học tập liên tục để hỗ trợ người lao động đảm bảo có việc làm và phát triển sự nghiệp/ *The skills development and continuous learning program to support workers employment and career development.*

Công ty chưa có chương trình này, người lao động tự học tập là chính.

6.6. Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương/ *Report on responsibility for local community.*

Các hoạt động đầu tư cộng đồng và hoạt động phát triển cộng đồng khác, bao gồm hỗ trợ tài chính nhằm phục vụ cộng đồng/ *The community investments and other community development activities, including financial assistance to community service.*

Các hoạt động này Công ty chưa có.

6.7. Báo cáo liên quan đến hoạt động thị trường vốn xanh theo hướng dẫn của UBCKNN/ *Green capital market activities under the guidance of the SSC.*

Các hoạt động này Công ty chưa có.

Lưu ý/Note: (Mục 6 phần II Phụ lục này, công ty có thể lập riêng thành Báo cáo phát triển bền vững, trong đó các mục 6.1, 6.2 và 6.3 không bắt buộc đối với các doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực dịch vụ tài chính, ngân hàng, chứng khoán, bảo hiểm)/ (As for Section 6 of Part II of this Appendix, the company may set up a separate Sustainability Development Report, in which the items 6.1, 6.2 and 6.3 are not mandatory for companies operating in sector of finance, banking, securities and insurance).

III. Báo cáo và đánh giá của Ban Giám đốc/ *Report and assessment of the Board of Management* (Ban Giám đốc báo cáo và đánh giá về tình hình mọi mặt của công ty/*the Board of Management reports and assesses on the situation in all aspects of the Company*)

Báo cáo và đánh giá của Ban Giám đốc tối thiểu phải bao gồm các nội dung sau/*The Board of Management's reports and assessments shall include at least the following contents:*

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh/ *Assessment of operating results*

- Phân tích tổng quan về hoạt động của công ty so với kế hoạch/dự tính và các kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trước đây. Trường hợp kết quả sản xuất kinh doanh không đạt kế hoạch thì nêu rõ nguyên nhân và trách nhiệm của Ban Giám đốc đối với việc không hoàn thành kế hoạch sản xuất kinh doanh (nếu có)/ *General analysis of company's operations against the targets and previous operating results. In case the operating results do not meet targets, clearly state the reasons and responsibilities of the Board of Directors for such results (if any).*

- Công ty đã tổ chức thực hiện nghiêm túc kỷ luật điều hành của TKV, quản lý chặt chẽ hàng hóa từ khâu nhận than tại đầu nguồn, trên đường vận chuyển đến bốc xếp nhập kho, không để xảy ra tình trạng vận chuyển hàng hóa đến địa điểm dỡ hàng khác so với địa điểm ghi trên hóa đơn bán hàng. Bám sát kế hoạch điều hành tiêu thụ hàng tháng, đẩy mạnh công tác pha trộn than giao lại TKV và than nhập về chế biến để bán khách hàng tự doanh.

Năm 2024, được sự quan tâm chỉ đạo của lãnh đạo TKV, sự giúp đỡ và phối hợp của các ban chuyên môn TKV trong các giải pháp điều hành, sự chủ động trong công tác chuẩn bị các nguồn than từ cuối năm 2023, TMB đã sớm tổ chức triển khai các nhiệm vụ kế hoạch PHKD ngay từ những ngày đầu năm, thực hiện nghiêm kỷ luật điều hành, đảm bảo cung cấp than kịp thời cho các nhà máy nhiệt điện theo kế hoạch tiêu thụ của TKV và hoàn thành nhiệm vụ là đơn vị đầu mối nhập khẩu than của TKV.

Kết quả thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch:

Số TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kế hoạch	Thực hiện	Tỷ lệ TH/KH (%)
1	Sản lượng than mua				
	<i>Trong đó: Than nhập khẩu</i>	Tấn	6.400.000	5.964.103	93
2	Sản lượng than bán	Tấn	16.078.000	15.871.041	99
a	<i>Than tự doanh</i>	“	<i>1.000.000</i>	<i>1.124.161</i>	112
b	<i>Than NK bán các đơn vị pha trộn</i>	“	<i>1.697.000</i>	<i>1.696.695</i>	100
c	<i>Than pha trộn CB giao lại TKV</i>	“	<i>13.381.000</i>	<i>13.050.185</i>	98
3	Doanh thu	Tỷ đồng	43.330.515	41.775.818	96
4	Giá trị SX tính lương	Tỷ đồng	629.130	765.688	122
5	Lợi nhuận	Tr đồng	145.950	266.418	183
6	Lao động bình quân	Người	601	611	102
7	Thu nhập bình quân	đ/ng/th	24.349.000	26.050.000	107
8	Thực hiện XDCB	Tỷ đồng	21.911	20.723	95

- Những tiến bộ công ty đã đạt được/*The Company's achievements.*

Với sự chỉ đạo điều hành của Ban lãnh đạo và các phòng ban chuyên môn của Công ty, cùng với sự quyết tâm, chủ động sáng tạo của các đơn vị trực thuộc, kết thúc năm 2024 TMB đã hoàn thành vượt kế hoạch các chỉ tiêu chủ yếu đề ra, an toàn về tài chính và ổn định thu nhập cho người lao động.

Công ty đã cố gắng thực hiện năm 2024 với các chỉ tiêu cụ thể như sau: GTSX đạt 122% kế hoạch năm, GTSX tính lương đạt 122% kế hoạch năm. Lợi nhuận đạt 266.418 triệu đồng đạt 183% kế hoạch năm, thu nhập bình quân tiền lương trích vào chi phí sản xuất trong kỳ đạt 26.050 nghìn đồng/người/tháng. Hàng tồn kho tăng so với đầu năm 86.660 triệu đồng, các khoản phải thu ngắn hạn tăng 44.337 triệu đồng, nợ phải trả giảm 51.761 triệu đồng.

Công ty đã đẩy mạnh sản lượng, cố gắng tiết giảm chi phí và đã hoàn thành và vượt 183% kế hoạch ở chỉ tiêu lợi nhuận và đạt 107% ở chỉ tiêu tiền lương bình quân cho các cán bộ, công nhân viên.

2. Tình hình tài chính/ *Financial Situation*

a) Tình hình tài sản/ *Assets*

Phân tích tình hình tài sản, biến động tình hình tài sản (phân tích, đánh giá hiệu quả sử dụng tài sản, nợ phải thu xấu, tài sản xấu ảnh hưởng đến kết quả hoạt động kinh doanh)/ *Analysis of the asset, changes in assets (analysis, assessment of the efficiency of assets usage, bad liabilities, bad assets that affect business results).*

Biến động về tài sản, nguồn vốn năm 2024:

Khả năng thanh toán và hiệu quả sử dụng vốn:

Chỉ tiêu/ <i>Benchmarks</i>	Năm/Year 2023	Năm/Year 2024	Ghi chú/Note
<p>1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán/ <i>Solvency ratio</i></p> <p>+ Hệ số thanh toán ngắn hạn/ <i>Current ratio</i>:</p> <p>Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn (<i>Short term Asset/Short term debt</i>)</p> <p>+ Hệ số thanh toán nhanh/ <i>Quick ratio</i>:</p> <p><u>Tài sản ngắn hạn - Hàng tồn kho</u> Nợ ngắn hạn <u><i>Short term Asset - Inventories</i></u> <i>Short term Debt</i></p>	<p>1,19</p> <p>0,34</p>	<p>1,23</p> <p>0,34</p>	
<p>2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn/ <i>capital structure Ratio</i></p> <p>+ Hệ số Nợ/Tổng tài sản (<i>Debt/Total assets ratio</i>)</p> <p>+ Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu (<i>Debt/Owners' Equity ratio</i>)</p>	<p>0,82</p> <p>4,63</p>	<p>0,79</p> <p>3,78</p>	
<p>3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động/ <i>Operation capability Ratio</i></p> <p>+ Vòng quay hàng tồn kho/ <i>Inventory turnover</i>:</p> <p>Giá vốn hàng bán/Hàng tồn kho bình quân (<i>Cost of goods sold/Average inventory</i>)</p> <p>Doanh thu thuần/Tổng tài sản (<i>Net revenue/ Total Assets</i>)</p>	<p>14,96</p> <p>9,39</p>	<p>14,35</p> <p>10,33</p>	
<p>4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời/ <i>Target on Profitability</i></p> <p>+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần (<i>profit after tax/ Net revenue Ratio</i>)</p> <p>+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu (<i>profit after tax/ total</i></p>	<p>0,91%</p> <p>48,15%</p>	<p>0,48%</p> <p>23,63%</p>	

<i>capital Ratio)</i>			
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản (<i>profit after tax/ Total assets Ratio</i>)	8,56%	4,94%	
+ Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần (<i>Operating profit/ Net revenue Ratio</i>)	1,04%	0,46%	
.....			

Đối với tổ chức tín dụng và tổ chức tài chính phi ngân hàng/*For credit*

b) Tình hình nợ phải trả/ *Liabilities*

- Tình hình nợ hiện tại, biến động lớn về các khoản nợ/ *Current debts, major changes of debts.*

Theo bảng biến động tài sản thì nợ phải trả giảm 51.760 triệu đồng; Nguyên nhân chủ yếu là do Công ty đã tập trung đẩy mạnh đôn đốc thu hồi công nợ để thanh toán các khoản nợ phải trả.

- Phân tích nợ phải trả xấu, ảnh hưởng chênh lệch của tỉ lệ giá hối đoái đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty, ảnh hưởng chênh lệch lãi vay/ *Analysis of outstanding debts, impact of the exchange rate changes on operating results of the company, and the cost of borrowing to the company's results.*

Công ty không có nợ phải trả xấu, không có chênh lệch tỷ giá và chênh lệch lãi vay.

3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý/ *Improvements in organizational structure, policies, management.*

Trong năm Công ty đổi mới về chính sách sản phẩm: Kinh doanh không phải là gì bán lấy, mà coi than mua từ Tập đoàn TKV mới chỉ là sản phẩm thô, còn sản phẩm bán cho khách hàng phải là sản phẩm “tinh”, đặc thù đã trải qua quá trình chế biến lại, đảm bảo tiết kiệm, an toàn, hiệu quả và phù hợp với công nghệ của từng khách hàng.

Do đó Công ty đã tập trung sáng kiến các phương pháp chế biến để tạo ra những sản phẩm đặc thù cho từng khách hàng để đảm bảo khách hàng sử dụng tiết kiệm than hơn, giá thành rẻ hơn, đồng thời hiệu quả trên 1 tấn than bán ra của Công ty cũng được tăng lên, góp phần quan trọng nâng cao hiệu quả SXKD.

4. Kế hoạch phát triển trong tương lai/ *Development plans in the future:*

Sở hữu một kênh phân phối, một mạng lưới các kho than bám sát khách hàng là một tài sản sinh lời quan trọng bậc nhất của Công ty. Mạng lưới này cho phép Công ty đáp ứng nhu cầu than kịp thời mọi lúc, mọi nơi cho khách hàng, làm cho khách hàng cảm thấy mạng lưới này như chính là kho than dự trữ thường xuyên của mình.

Do đó trong những năm tiếp theo Công ty phải tập trung tái cơ cấu mạng lưới bán than như sau:

- Tập trung đầu tư và hợp tác đầu tư mở rộng mạng lưới các kho than để bám sát khách hàng, đặc biệt là các khách hàng trọng điểm.

- Mua lại các kho than trọng điểm đang đi thuê và hợp tác đầu tư lâu dài với chủ các kho than để đảm bảo tính ổn định lâu dài về địa điểm bán than trong tương lai.

5. *Giải trình của Ban Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán (nếu có) - (Trường hợp ý kiến kiểm toán không phải là ý kiến chấp thuận toàn phần)/Explanation of the Board of Directors for auditor's opinions (if any) - (In case the auditor's opinions are not absolutely approved).*

- Báo cáo Tài chính của Công ty đã được Kiểm toán chấp nhận toàn phần.

6. *Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của công ty/ Assessment Report related to environmental and social responsibility of company*

a. *Đánh giá liên quan đến các chỉ tiêu môi trường (tiêu thụ nước, năng lượng, phát thải...)/ Review concerning the environmental indicators (water consumption, energy, emissions...).*

- Công ty là đơn vị kinh doanh nên mức tiêu thụ năng lượng, nước, phát thải rất thấp như đã báo ở trên, vì vậy mức tác động đến các chỉ tiêu môi trường là gần như không đáng kể.

b. *Đánh giá liên quan đến vấn đề người lao động/ Review concerning the problems of workers*

- Công ty đã thực tốt mọi chế độ đối với người lao động, tuân thủ nghiêm chỉnh pháp luật về lao động, trong năm chưa có khiếu nại nào của người lao động.

c. *Đánh giá liên quan đến trách nhiệm của doanh nghiệp đối với cộng đồng địa phương/ Review concerning corporate responsibility towards the local community*

- Mức độ đóng góp của doanh nghiệp đến địa phương còn hạn chế, chủ yếu mới dừng lại ở các khoản đóng góp nhỏ dưới 10 triệu đồng.

IV. *Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty (đối với công ty cổ phần)/Assessments of the Board of Management on the Company's operation (for joint stock companies)*

1. *Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty, trong đó có đánh giá liên quan đến trách nhiệm môi trường và xã hội/ Assessments of the Board of Management on the Company's operation, including the assessment related to environmental and social responsibilities.*

- Năm 2024, HĐQT Công ty đã tập trung lãnh đạo thực hiện tốt các mục tiêu chiến lược đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên Công ty năm 2024 thông qua, tổ chức triển khai thực hiện tốt trên các lĩnh vực quản lý, điều hành sản xuất nên đã tạo ra sự ổn định, đồng bộ trong SXKD, phù hợp với thực tiễn. Chỉ đạo Ban Tổng giám đốc, các phòng ban chuyên môn nghiệp vụ từ Công ty đến các đơn vị trực thuộc tập trung vào các lĩnh vực quan trọng, khai thác mọi nguồn lực, đảm bảo thực hiện đúng kế hoạch đề ra. Vì vậy, tình hình SXKD, tiêu thụ than của Công ty vẫn giữ được thế ổn định, các chỉ tiêu chính đạt kế hoạch đề ra.

- Kết quả hoạt động SXKD của Công ty năm 2024 cụ thể như sau:

Số TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kế hoạch	Thực hiện	Tỷ lệ TH/KH (%)
1	Sản lượng than mua				
	<i>Trong đó: Than nhập khẩu</i>	Tấn	6.400.000	5.964.103	93
2	Sản lượng than bán	Tấn	16.078.000	15.871.041	99
a	<i>Than tự doanh</i>	“	1.000.000	1.124.161	112
b	<i>Than NK bán các đơn vị pha trộn</i>	“	1.697.000	1.696.695	100
c	<i>Than pha trộn CB giao lại TKV</i>	“	13.381.000	13.050.185	98
3	Doanh thu	Tỷ đồng	43.330.515	41.775.818	96
4	Giá trị SX tính lương	Tỷ đồng	629.130	765.688	122
5	Lợi nhuận	Tr đồng	145.950	266.418	183
6	Lao động bình quân	Người	601	611	102
7	Thu nhập bình quân	đ/ng/th	24.349.000	26.050.000	107
8	Thực hiện XD CB	Tỷ đồng	21.911	20.723	95

* Tình hình tài chính của Công ty:

Tình hình tài chính của Công ty nói chung lành mạnh, cụ thể:

- Tổng số vốn chủ sở hữu cuối năm: 845.010 tỷ đồng, bằng 563% vốn điều lệ.
- Hệ số bảo toàn và phát triển vốn của Công ty năm 2024 thực hiện 1,20 lần so với cùng kỳ năm 2023. Hệ số > 1, cho thấy Công ty đã bảo toàn và phát triển vốn.
- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/vốn điều lệ: 133%.

* Công tác quản lý đầu tư xây dựng cơ bản:

Giá trị thực hiện kế hoạch đầu tư XD CB năm 2024 là 20.723 tỷ đồng, đạt 95% kế hoạch.

Các dự án dở dang và chưa triển khai được, Công ty đã có báo cáo TKV và được chấp thuận tiếp tục tổ chức thực hiện trong năm 2024.

* Đánh giá kết quả SXKD của Công ty năm 2024:

Năm qua, Công ty đã hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch chính (giá trị sản xuất; các chỉ tiêu lợi nhuận và thu nhập bình quân). Đạt được kết quả trên là do Công ty đã nhận thức được khó khăn, biết chủ động khai thác những thế mạnh, phát huy tính tích cực, năng động trong kinh doanh và truyền thống của đơn vị, điều hành tiêu thụ hợp lý, hiệu quả, nhất là thực hiện hiệu quả công tác chế biến than.

2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Giám đốc công ty/*Assessment of Board of Directors on Board of Management' performance*

Qua quá trình giám sát, HĐQT nhất trí với báo cáo kết quả hoạt động SXKD năm 2023 và kế hoạch SXKD năm 2024 của Bộ máy điều hành Công ty tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024; ghi nhận những cố gắng của Ban giám đốc và Bộ máy điều hành đã nghiêm chỉnh chấp hành các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, nghị quyết, quyết định của HĐQT và các quy định của pháp luật. Ban giám đốc đã đoàn kết, chủ động kịp thời thông tin báo cáo và điều chỉnh linh hoạt tiến trình thực hiện kế hoạch SXKD phù hợp với diễn biến thực tế của thị trường; tăng lợi nhuận, ổn

định việc làm và thu nhập cho người lao động.

3. *Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị/ Plans, orientations of the Board of Directors*

- Tổ chức thành công Đại hội đồng cổ đông thường niên Công ty năm 2024. Đề xuất trình Đại hội các vấn đề thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

- Đảm bảo hoạt động của Công ty ổn định; chỉ đạo triển khai thực hiện đúng và đầy đủ Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024.

- Giám sát chặt chẽ và kịp thời chỉ đạo chấn chỉnh các hoạt động của Công ty và các đơn vị trực thuộc, nhằm đảm bảo SXKD của Công ty an toàn có hiệu quả, chánh rủi ro, bảo toàn và phát triển vốn.

- Tổ chức các phiên họp thường kỳ để thảo luận, thông qua các báo cáo, kế hoạch, chỉ đạo kịp thời và hiệu quả việc triển khai thực hiện các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông. Tổ chức các cuộc họp bất thường để xử lý các vấn đề phát sinh thuộc thẩm quyền của HĐQT.

- Tăng cường quan hệ với cổ đông nhằm cung cấp thông tin tới công chúng một cách nhanh chóng, kịp thời và minh bạch; bảo vệ quyền lợi hợp pháp tối đa cho cổ đông.

V. Quản trị công ty/Corporate governance (Tổ chức không phải là tổ chức niêm yết không bắt buộc phải công bố các thông tin tại Mục này)/*Non-listed organizations are not obliged to disclose the information in this Section*).

1. *Hội đồng quản trị/ Board of Directors*

a) Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị/*Members and structure of the Board of Directors*: (danh sách thành viên Hội đồng quản trị, tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết và các chứng khoán khác do công ty phát hành, nêu rõ thành viên độc lập và các thành viên khác; số lượng chức danh thành viên hội đồng quản trị do từng thành viên Hội đồng quản trị của công ty nắm giữ tại các công ty khác/ *(list of members of the Board of Management, percentages of ownership in voting shares and other securities issued by the company, clearly Specify independent and other members; number of positions that a member the Board of Management held in other companies)*).

Danh sách Hội đồng quản trị:

- Phạm Tuấn Ngọc – Chủ tịch HĐQT, người đại diện vốn của Tập đoàn Công nghiệp than – khoáng sản Việt Nam (TKV) tại Công ty, số cổ phần đại diện: 10.116.000 cổ phần, chiếm 67,44%.

- Ngô Quang Trung – Ủy viên kiêm Tổng Giám đốc, số cổ phần sở hữu 3.582 cổ phần, chiếm 0,016%.

- Nguyễn Minh Hải – Ủy viên kiêm phó Tổng Giám đốc, số cổ phần sở hữu 12.372 cổ phần, chiếm 0,08%.

- Phạm Ngọc Bảo – Ủy viên kiêm Giám đốc vùng, số cổ phần sở hữu 7.524 cổ phần, chiếm 0,05%.

- Đinh Công Nga – Ủy viên HĐQT độc lập.
